TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày: 24-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Bình.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 70/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 02 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-DS ngày 05/4/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1983 và chị Huỳnh Thị So Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1962; địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn anh K, bị đơn chị Đ, người liên quan ông T1 có mặt, bị đơn anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Ngày 26/6/2020 anh T và chị Đ có vay của anh K 40 chỉ vàng 24 kara, thỏa thuận lãi suất mỗi tháng 3.000.000 đồng. Cũng thời điểm này, người khác trả 05 chỉ vàng thì anh T hỏi vay luôn. Như vậy, vợ chồng anh T vay tổng cộng 45 chỉ vàng 24 kara. Đóng lãi được 06 lần thì ngưng không đóng nữa. Nhiều lần yêu cầu anh T, chị Đ trả vàng nhưng anh T, chị Đ không trả. Nay yêu cầu anh T và chị Đ trả lại 45 chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999).

- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Đ trình bày:* Trước đây mẹ chồng của chị là bà Trần Thị T2 có vay của anh K 20 chỉ vàng 24 kara. Vợ chồng chị có vay giùm cho chị Huỳnh Thị So P 05 chỉ vàng, khi chị P trả thì chị Đ đưa cho mẹ chồng là bà T2 để trả cho anh K, nhưng bà T2 chi xài hết. Sau này không có khả năng trả, vợ chồng anh chị là con ở chung nhà đứng ra nhận trả số vàng 25 chỉ này. Đồng thời vợ chồng anh chị cũng có vay thêm của anh K 20 chỉ vàng. Tổng cộng nợ 45 chỉ vàng. Khi làm biên nhận lại tới nay đã trả tiền lãi trên một năm nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu. Vợ chồng chị Đ không có yêu cầu gì về tiền lãi đã đóng và thống nhất trả số vàng 45 chỉ cho anh K. Nhưng hiện nay gia đình bể nợ, đất đai đã bán hết, anh T đi làm lương mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng, chi xài trong gia đình cũng không còn bao nhiêu. Xin cho trả mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- *Tại phiên hòa giải anh T thống nhất ý kiến của chị Đ. Anh T3 có đơn xin vắng mặt phiên tòa.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 trình bày:* Trước đây khi yêu cầu tại ấp thì K ủy quyền cho ông tham gia giải quyết, khi khởi kiện ra tòa do không hiểu nên ghi tên vào mục người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Bị đơn là anh T3 có đơn xin vắng mặt phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ

luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả 45 chỉ vàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng vay vàng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán, do đó xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Bị đơn anh T3 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng các đương sự xác định không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

[2] Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ và được bị đơn thừa nhận nên xác định đây là sự kiện có thật, các đương sự không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bên chỉ không thỏa thuận được thời gian thanh toán nợ.

Anh T3, chị Đ có vay của anh K 45 chỉ vàng 24 kara (loại 9999), nay đồng ý trả nhưng do không có điều kiện trả một lần, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh K không đồng ý nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh T3, chị Đ trả lại cho anh K số vàng 45 chỉ.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thanh toán nợ: 45 chỉ x 7.000.000 đ/chỉ x 5% = 15.750.000 đồng.

Hoàn trả cho anh K tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 279, 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Tuấn K. Buộc anh Trần Văn T và chị Huỳnh Thị So Đ cùng liên đới trả cho anh K 45 (bốn mươi lăm) chỉ vàng 24 kara (loại vàng 9999 hoặc tương đương).

2- Án phí sơ thẩm:

Buộc anh Trần Văn T và chị Huỳnh Thị So Đ cùng chịu tiền án phí sơ thẩm là 15.750.000 (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho anh Nguyễn Tuấn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.312.500 đồng (Bảy triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005149 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là anh T vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận